

I. Giới thiệu về Mệnh đề kết quả (Clauses of Result)

Mệnh đề kết quả là mệnh đề phụ được sử dụng để chỉ kết quả hoặc hệ quả của một hành động, sự việc hay đặc điểm được nêu ở mệnh đề chính. Hai cấu trúc phổ biến nhất để diễn tả mệnh đề kết quả trong tiếng Anh là "**So...that**" và "**Such...that**". Cả hai đều có nghĩa là "quá... đến nỗi mà...".

II. Cấu trúc "So...that"

Cấu trúc "So...that" được dùng để nhấn mạnh một tính từ (adjective) hoặc một trạng từ (adverb).

1. Với Tính từ (Adjective)

Dùng để mô tả một đặc điểm, tính chất ở mức độ cao, dẫn đến một kết quả cụ thể.

- **Công thức:** S + be/linking verb + so + adj + that + S + V
- **Giải thích:** Chủ ngữ (S) có một đặc điểm (adj) "quá... đến nỗi mà" một sự việc khác xảy ra.
- **Ví dụ:**
 - The coffee was **so hot that** I couldn't drink it. (Cà phê nóng đến nỗi tôi không thể uống được.)
 - She is **so kind that** everyone loves her. (Cô ấy tốt bụng đến nỗi ai cũng yêu quý.)

- The exam was **so difficult that** many students failed. (Bài kiểm tra khó đến nỗi nhiều học sinh đã trượt.)

2. Với Trạng từ (Adverb)

Dùng để mô tả một hành động được thực hiện theo cách thức nào đó ở mức độ cao, dẫn đến một kết quả cụ thể.

- **Công thức:** **S + V (ordinary) + so + adv + that + S + V**
- **Giải thích:** Chủ ngữ (S) thực hiện hành động (V) một cách (adv) "quá... đến nỗi mà" một sự việc khác xảy ra.
- **Ví dụ:**
 - He drove **so carelessly that** he caused an accident. (Anh ta lái xe ẩu đến nỗi đã gây ra tai nạn.)
 - She speaks English **so fluently that** we thought she was a native speaker. (Cô ấy nói tiếng Anh trôi chảy đến nỗi chúng tôi nghĩ cô ấy là người bản xứ.)
 - The children played **so noisily that** the neighbors complained. (Bọn trẻ chơi đùa ồn ào đến nỗi hàng xóm phải phàn nàn.)

III. Cấu trúc "Such...that"

Cấu trúc "Such...that" được dùng để nhấn mạnh một danh từ (noun) hoặc một cụm danh từ (noun phrase).

1. Với Danh từ đếm được số ít (Singular Countable Noun)

- **Công thức:** S + V + **such** + a/an + (adj) + N (singular) + **that** + S + V

- **Giải thích:** Dùng để nhấn mạnh một người/vật/sự việc đơn lẻ, có tính chất nào đó dẫn đến kết quả.

- **Ví dụ:**

- It was **such a beautiful day that** we decided to go for a walk. (Đó là một ngày đẹp đến nỗi chúng tôi quyết định đi dạo.)
- She is **such a smart girl that** she always gets the highest score. (Cô ấy là một cô gái thông minh đến nỗi luôn đạt điểm cao nhất.)
- He told **such an interesting story that** we all listened carefully. (Anh ấy kể một câu chuyện thú vị đến nỗi tất cả chúng tôi đều chăm chú lắng nghe.)

2. Với Danh từ đếm được số nhiều (Plural Countable Noun)

- **Công thức:** S + V + **such** + (adj) + N (plural) + **that** + S + V

- **Giải thích:** Tương tự như trên nhưng dùng cho danh từ số nhiều. Lưu ý không có mạo từ "a/an".

- **Ví dụ:**

- They are **such good friends that** they share everything. (Họ là những người bạn tốt đến nỗi họ chia sẻ mọi thứ với nhau.)
- She wore **such beautiful shoes that** everyone looked at her feet. (Cô ấy mang đôi giày đẹp đến nỗi mọi người đều nhìn vào chân cô.)

3. Với Danh từ không đếm được (Uncountable Noun)

- **Công thức:** **S + V + such + (adj) + N (uncountable) + that + S + V**
- **Giải thích:** Dùng cho danh từ không đếm được. Cũng không có mạo từ "a/an".
- **Ví dụ:**
 - It was **such terrible weather that** we had to cancel the trip. (Thời tiết tệ đến nỗi chúng tôi phải hủy chuyến đi.)
 - She gave me **such good advice that** it helped me solve the problem. (Cô ấy cho tôi lời khuyên hay đến nỗi nó đã giúp tôi giải quyết vấn đề.)

IV. Các trường hợp đặc biệt và mở rộng

1. "So" với các từ chỉ số lượng (many, much, few, little)

Khi muốn nhấn mạnh về số lượng (nhiều hoặc ít), ta dùng "so" chứ không dùng "such".

- **Công thức:**
 - **S + V + so + many/few + N (plural) + that + S + V**
 - **S + V + so + much/little + N (uncountable) + that + S + V**
- **Ví dụ:**
 - There were **so many people** at the party **that** we couldn't move. (Có nhiều người ở bữa tiệc đến nỗi chúng tôi không thể di chuyển.)

- He has **so much work** to do **that** he has to stay late. (Anh ấy có nhiều việc phải làm đến nỗi phải ở lại muộn.)
- There were **so few tickets** left **that** we couldn't buy any. (Còn lại ít vé đến nỗi chúng tôi không thể mua được.)
- She had **so little money** **that** she couldn't afford a new dress. (Cô ấy có ít tiền đến nỗi không thể mua một chiếc váy mới.)

2. "Such" với "a lot of"

Mặc dù "so much/many" là phổ biến, cấu trúc với "such a lot of" cũng có thể được sử dụng để chỉ số lượng lớn.

- **Công thức:** **S + V + such + a lot of + N + that + S + V**

- **Ví dụ:**

- There was **such a lot of traffic** **that** I was late for work. (Có nhiều xe cộ đến nỗi tôi đã bị trễ làm.)

3. Đảo ngữ với "So...that" và "Such...that"

Để nhấn mạnh hơn nữa, ta có thể đảo phần "So + adj/adv" hoặc "Such + cụm danh từ" lên đầu câu.

1. Đảo ngữ với "So"

- **Công thức:** **So + adj/adv + auxiliary verb/be + S + that + S + V**
- **Ví dụ:**

- **So beautiful** was she **that** every boy in the class fell in love with her. (Cô ấy đẹp đến nỗi mọi chàng trai trong lớp đều yêu cô.) (Câu gốc: She was so beautiful that...)
- **So fast** did he run **that** nobody could keep up with him. (Anh ta chạy nhanh đến nỗi không ai theo kịp.) (Câu gốc: He ran so fast that...)

2. Đảo ngữ với "Such"

- **Công thức:** Such + be + (a/an) + adj + N + that + S + V
- **Ví dụ:**
 - **Such** was **a difficult test** **that** most students couldn't finish it. (Đó là một bài kiểm tra khó đến nỗi hầu hết học sinh không thể hoàn thành.) (Câu gốc: It was such a difficult test that...)

V. So sánh và cách chuyển đổi giữa "So...that" và "Such...that"

1. Bảng so sánh

Tiêu chí	Cấu trúc "So...that"	Cấu trúc "Such...that"
Từ loại đi kèm	Đi sau "so" là tính từ hoặc trạng từ .	Đi sau "such" là cụm danh từ (a/an + adj + N).
Nhấn mạnh	Nhấn mạnh vào đặc điểm (tính từ) hoặc cách thức (trạng từ).	Nhấn mạnh vào bản thân sự vật, sự việc, con người (danh từ).
Ví dụ	The film was so boring that I fell asleep.	It was such a boring film that I fell asleep.

2. Cách chuyển đổi câu

Việc chuyển đổi giữa hai cấu trúc này khá đơn giản nếu bạn nắm vững quy tắc.

- Từ "So...that" sang "Such...that":

Xác định tính từ sau "so" và tìm danh từ tương ứng để tạo thành cụm danh từ.

- **Câu gốc:** The weather was **so bad that** we stayed home.
- **Phân tích:** Tính từ là "bad". Danh từ tương ứng là "weather". Đây là danh từ không đếm được.

- **Câu chuyển đổi:** It was **such bad weather that** we stayed home.
- **Câu gốc:** The boy is **so clever that** he can do all the exercises.
- **Phân tích:** Tính từ là "clever". Danh từ tương ứng là "boy". Đây là danh từ đếm được số ít.
- **Câu chuyển đổi:** He is **such a clever boy that** he can do all the exercises.

• Từ "Such...that" sang "So...that":

Tách tính từ ra khỏi cụm danh từ và đặt nó sau "so".

- **Câu gốc:** It was **such an expensive car that** he couldn't buy it.
- **Phân tích:** Cụm danh từ là "an expensive car". Tính từ là "expensive".
- **Câu chuyển đổi:** The car was **so expensive that**he couldn't buy it.

VI. Tổng kết

"So...that" và "Such...that" là hai cấu trúc quan trọng để diễn tả mối quan hệ nguyên nhân - kết quả một cách nhấn mạnh. Ghi nhớ quy tắc cơ bản: **"so" đi với tính từ/trạng từ**, trong khi **"such" đi với cụm danh từ**. Việc luyện tập thường xuyên qua các bài tập sẽ giúp bạn sử dụng thành thạo và linh hoạt các cấu trúc này trong cả văn viết và giao tiếp.